

Số: 3050/QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐHQG HN

CÔNG VĂN ĐẾN

Ngày 24/10/2012 số: 843

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25/5/2011 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội

GIÁM ĐỐC

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 07/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2001 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia được ban hành theo Quyết định số 16/2001/QĐ-TTg, ngày 12 tháng 02 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết nghị số 2686/QN-HĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2012 của Hội đồng Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25/5/2011 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (sau đây gọi là Quy chế 1555) như sau:

1. Bổ sung vào phần căn cứ của Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25 tháng 5 năm 2011 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội các căn cứ sau:

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

2. Thay thế thuật ngữ “môn học” bằng thuật ngữ “học phần” trong toàn bộ Quy chế 1555.

3. Khoản 1, Điều 1 được sửa đổi như sau:

1. Quy chế này quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ (sau đây gọi chung là đào tạo sau đại học) theo hệ thống tín chỉ ở Đại học Quốc gia Hà Nội, bao gồm: chương trình đào tạo; tuyển sinh; tổ chức đào tạo; luận văn, luận án; công nhận học vị và cấp bằng; nghĩa vụ, quyền lợi của giảng viên; nghĩa vụ, quyền lợi của người học; tài chính cho đào tạo; kiểm định chất lượng và công khai điều kiện đảm bảo chất lượng; thanh tra kiểm tra, giải quyết và xử lý vi phạm.

4. Khoản 3, Điều 7 được sửa đổi như sau:

3. Chương trình đào tạo sau đại học bao gồm các học phần, luận văn thạc sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ. Chương trình đào tạo sau đại học phải thể hiện mục tiêu đào tạo sau đại học, quy định chuẩn đầu ra về kiến thức, năng lực, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo. Mỗi chương trình đào tạo gắn với một chuyên ngành đào tạo. Đại học Quốc gia Hà Nội có các loại chương trình đào tạo sau:

a) Chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội, được chia thành 2 loại:

- Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu;
- Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng thực hành;

b) Chương trình đào tạo thạc sĩ đạt chuẩn quốc tế;

c) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế, được chia thành 3 loại:

- Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng;

- Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và trường đại học nước ngoài cùng cấp bằng;

- Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do trường đại học nước ngoài cấp bằng;

d) Chương trình đào tạo tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội;

đ) Chương trình đào tạo tiến sĩ đạt chuẩn quốc tế;

e) Chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế, được chia thành 3 loại:

- Chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng;

- Chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và trường đại học nước ngoài cùng cấp bằng;

- Chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do trường đại học nước ngoài cấp bằng.

5. Khoản 1 và Khoản 2, Điều 8 được sửa đổi như sau:

1. Hai ngành đào tạo đại học được coi là ngành đúng khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau dưới 20%; được coi là ngành phù hợp khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau từ 20 đến dưới 30%; được coi là ngành gần khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau từ 30 đến 50%; được coi là ngành khác khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau trên 50%.

2. Hai chuyên ngành đào tạo thạc sĩ được coi là chuyên ngành đúng khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau dưới 10%; được coi là chuyên ngành phù hợp khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau từ 10 đến dưới 20%; được coi là chuyên ngành gần khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau từ 20 đến 30%; được coi là chuyên ngành khác khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau trên 30%.

Ngành/chuyên ngành đúng; ngành/chuyên ngành phù hợp; ngành/chuyên ngành gần phải được xác định rõ trong chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ cho từng chuyên ngành đào tạo do đơn vị đào tạo đề xuất và Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

6. Ý cuối cùng của Điểm b, Khoản 1, Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Phần 2: Luận văn thạc sĩ chiếm 10-15% khối lượng chương trình đào tạo.

7. Khoản 1, Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Chương trình đào tạo tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội

Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội gồm 4 phần:

a) Phần 1: Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh.

- Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở khối kiến thức chung bắt buộc, khối kiến thức nhóm chuyên ngành và khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ tương ứng quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 11, Quy chế này.

- Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gắn với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do đơn vị đào tạo khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại, đơn vị đào tạo yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung các học phần cần thiết theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu.

- Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của nghiên cứu sinh còn thiếu những học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, Thủ trưởng đơn vị đào tạo có thể yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học.

- Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định các học phần nghiên cứu sinh cần học bổ sung.

b) Phần 2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 3 đến 5 học phần với khối lượng từ 8 đến 12 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ. Ngoài ra, nghiên cứu sinh phải hoàn thành 4 tín chỉ để nâng cao năng lực và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thông qua hoạt động chuyên môn (Ngoại ngữ học thuật nâng cao).

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn, trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Các

học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học.

- Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 2 đến 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng từ 4 đến 6 tín chỉ.

- Bài tiểu luận tổng quan (2 tín chỉ) về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

- Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định và công bố công khai trước khi khai giảng khóa đào tạo các nội dung: danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ của từng chuyên ngành đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà nghiên cứu sinh cần đạt; cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh.

c) Phần 3. Nghiên cứu khoa học

- Nghiên cứu khoa học là yêu cầu bắt buộc trong quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Tùy theo tính chất của lĩnh vực nghiên cứu thuộc khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, công nghệ mà đơn vị đào tạo có các yêu cầu khác nhau đối với việc đánh giá hiện trạng tri thức, giải pháp công nghệ liên quan đến đề tài luận án, yêu cầu điều tra, thực nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết, yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, thí nghiệm để từ đó nghiên cứu sinh đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Đây là các cơ sở quan trọng nhất để nghiên cứu sinh viết luận án.

- Nội dung, quy mô nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án. Đơn vị đào tạo có trách nhiệm tạo điều kiện về kinh phí và cơ sở vật chất để nghiên cứu sinh tiến hành các nghiên cứu cần thiết cho luận án. Nghiên cứu sinh

phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

- Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lí do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án, nghiên cứu sinh được đăng kí kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do nghiên cứu sinh chịu hoặc do đơn vị cử đi học hoặc đơn vị đào tạo hỗ trợ nếu có điều kiện.

d) Phần 4. Luận án tiến sĩ (sau đây gọi tắt là luận án) có khối lượng từ 70 đến 80 tín chỉ.

Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

Luận án có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án bao gồm các phần và chương sau:

- Phần mở đầu: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lí do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

- Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

- Nội dung, kết quả nghiên cứu (một hoặc nhiều chương): trình bày cơ sở lí thuyết, lí luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và bàn luận.

- Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

- Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

- Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;
- Phụ lục của luận án (nếu có).

8. Khoản 1, Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội:

Các đơn vị được đăng kí mở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Chuyên ngành đào tạo có trong Danh mục giáo dục, đào tạo trình độ thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường hợp chuyên ngành đào tạo chưa có trong Danh mục, đơn vị đào tạo phải trình bày luận cứ khoa học về chuyên ngành đào tạo mới đã được Hội đồng Khoa học – Đào tạo của đơn vị đào tạo thông qua; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo của một số trường đại học nước ngoài có uy tín và chất lượng cao, đã được kiểm định.

b) Có đơn vị thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội đã đào tạo trình độ đại học chính quy ngành tương ứng hoặc nhóm ngành tương ứng (đối với chuyên ngành mang tính liên ngành) với chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và có ít nhất 2 khóa sinh viên đã tốt nghiệp, trừ trường hợp các chuyên ngành đào tạo đặc thù không đào tạo cử nhân.

c) Có đội ngũ giảng viên cơ hữu của Đại học Quốc gia Hà Nội đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành đào tạo, cụ thể:

- Giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên đảm nhận việc giảng dạy ít nhất 80% chương trình đào tạo, trong đó có ít nhất một nửa là cán bộ cơ hữu của đơn vị đào tạo;

- Có ít nhất 6 giảng viên cơ hữu của Đại học Quốc gia Hà Nội có bằng tiến sĩ cùng ngành, trong đó có ít nhất 3 người cùng chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo là cán bộ cơ hữu của đơn vị đào tạo. Đối với các chuyên ngành đào tạo mới, thí điểm có thể được thay thế bằng những người có chuyên môn phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo;

d) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo ngành hoặc chuyên ngành ở trình độ thạc sĩ, cụ thể:

- Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu của ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo;

- Thư viện của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo có nguồn thông tin tư liệu (sách, giáo trình và tạp chí trong và ngoài nước) được xuất bản trong 5 năm trở lại đây, đáp ứng yêu cầu dạy, học các học phần trong chương trình đào tạo và thực hiện đề tài luận văn;

- Có trang web của đơn vị đào tạo được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, công khai thu chi tài chính.

đ) Đơn vị đào tạo có năng lực, kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học ở lĩnh vực của ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo; các giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ đã và đang chủ trì các đề tài khoa học từ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên ở ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo. Mỗi giảng viên là tiến sĩ có ít nhất 3 công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định trong 5 năm trở lại đây tính đến ngày đơn vị đào tạo đề nghị cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

e) Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ.

g) Có chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo đề nghị cho phép đào tạo.

h) Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ ở các ngành hoặc chuyên ngành đang đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày đơn vị đào tạo đề nghị cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

i) Chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo phù hợp với quy hoạch tổng thể, kế hoạch phát triển ngành/chuyên ngành và sứ mệnh, chức năng, nhiệm vụ, gắn liền với việc thực hiện chiến lược phát triển của đơn vị và của Đại học Quốc gia Hà Nội;

có vai trò thí điểm tiên phong cho hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam; không trùng với các ngành/chuyên ngành thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ do các đơn vị khác trong Đại học Quốc gia Hà Nội đang làm đầu mối phụ trách.

k) Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định đơn vị đầu mối tổ chức đào tạo đối với các chương trình đào tạo thạc sĩ mang tính liên ngành, liên lĩnh vực và liên quan tới nhiều đơn vị.

9. Khoản 1, Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội

Các đơn vị được đăng ký mở chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Chuyên ngành đào tạo có trong Danh mục giáo dục, đào tạo trình độ tiến sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường hợp chuyên ngành đào tạo chưa có trong Danh mục, đơn vị đào tạo phải trình bày luận cứ khoa học về chuyên ngành đào tạo mới đã được Hội đồng Khoa học – Đào tạo của đơn vị đào tạo thông qua; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo của một số trường đại học nước ngoài có uy tín và chất lượng cao, đã được kiểm định.

b) Có đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội đã đào tạo trình độ thạc sĩ ngành hoặc chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ và có ít nhất 2 khóa học viên đã tốt nghiệp;

c) Có đội ngũ giảng viên cơ hữu của Đại học Quốc gia Hà Nội đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ ở chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo, cụ thể:

- Có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, có khả năng phát hiện vấn đề nghiên cứu, hướng dẫn, chỉ đạo nghiên cứu sinh xây dựng đề cương nghiên cứu đề tài luận án, hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện đề tài luận án, viết luận án và tham gia Hội đồng chấm luận án;

- Có ít nhất 1 giáo sư hoặc phó giáo sư và 5 tiến sĩ cùng ngành là cán bộ cơ hữu của Đại học Quốc gia Hà Nội, trong đó có ít nhất 1 giáo sư hoặc phó giáo sư và 2 tiến sĩ là cán bộ cơ hữu của đơn vị đào tạo đáp ứng các yêu cầu: cùng chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo; có ít nhất 3 công trình nghiên cứu khoa học phù

hợp với chuyên ngành đào tạo đã được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định trong vòng 5 năm tính đến khi lập hồ sơ mở chuyên ngành; Các chuyên ngành đào tạo mới, thí điểm có thể được thay thế bằng những người có chuyên môn phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo.

d) Có đủ khả năng và điều kiện để thành lập hội đồng đánh giá luận án và tổ chức đánh giá luận án theo quy định hiện hành;

đ) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ tiến sĩ, cụ thể:

- Có đủ phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu với trang thiết bị cần thiết bảo đảm để nghiên cứu sinh có thể triển khai thực hiện đề tài luận án; có chỗ làm việc cho người hướng dẫn và nghiên cứu sinh;

- Thư viện của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để nghiên cứu sinh tìm hiểu, tra cứu khi thực hiện đề tài luận án, viết luận án như sách, giáo trình, tạp chí khoa học trong và ngoài nước, thư viện điện tử có thể liên kết với các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước;

- Có trang web của đơn vị đào tạo được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của đơn vị đào tạo, công khai thu chi tài chính;

e) Đơn vị đào tạo đã thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, trong đó có ít nhất 5 nhiệm vụ nghiên cứu thuộc đề tài khoa học cấp nhà nước, bộ, ngành, tỉnh, thành phố hoặc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có chất lượng cao hoặc tương đương; Có kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng những người làm công tác nghiên cứu khoa học; thường xuyên tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học chuyên ngành.

Các giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ đã và đang chủ trì các đề tài khoa học từ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên ở chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo. Mỗi giảng viên là tiến sĩ có ít nhất 3 công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định trong 5 năm trở lại đây tính đến ngày đơn vị đào tạo đề nghị cho phép đào tạo chuyên ngành trình độ tiến sĩ;

g) Đã hợp tác với các trường đại học trên thế giới trong hoạt động đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ;

h) Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ;

i) Có chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo của chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.

k) Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức, quản lý đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ ở các ngành hoặc chuyên ngành đang đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày đơn vị đào tạo đề nghị cho phép đào tạo chuyên ngành trình độ tiến sĩ;

l) Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định đơn vị đầu mối tổ chức đào tạo đối với các chương trình đào tạo tiến sĩ mang tính liên ngành, liên lĩnh vực.

10. Điểm b, Khoản 2, Điều 24 được sửa đổi như sau:

b) Căn cứ vào yêu cầu của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra ngoại ngữ của chương trình đào tạo, thủ trưởng đơn vị đào tạo đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt môn thi ngoại ngữ trong tuyển sinh, trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển theo từng ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và các cách thức đánh giá năng lực phù hợp.

11. Bỏ Điểm c, Khoản 2, Điều 24.

12. Ý cuối cùng của Điểm b, Khoản 1, Điều 26 được sửa đổi như sau:

- Tính khả thi, chất lượng của bài luận về dự định nghiên cứu. Trong bài luận phải trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lí do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kì của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

13. Khoản 2, Điều 31 được sửa đổi như sau:

a) Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ từ 1 năm đến 2 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

- Đối với các ngành đào tạo trình độ đại học có thời gian đào tạo từ 5 năm trở lên: thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ tối thiểu là 1 năm.

- Đối với các ngành đào tạo trình độ đại học có thời gian đào tạo từ 4,5 năm trở xuống: thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ là 1,5 năm đến 2 năm.

b) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm tập trung liên tục. Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung liên tục được và được thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như quy định trên, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại đơn vị đào tạo để thực hiện đề tài nghiên cứu.

c) Thời gian kéo dài được phép là 1 năm cho đào tạo thạc sĩ và 2 năm cho đào tạo tiến sĩ.

14. Điểm c, Khoản 2, Điều 38 được sửa đổi như sau:

c) Nghiên cứu sinh được coi là hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn nếu đã bảo vệ thành công luận án trước hội đồng đánh giá cấp cơ sở luận án trong thời hạn 3 năm đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ và 4 năm đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học. Nếu quá thời hạn trên, nghiên cứu sinh được phép kéo dài tối đa 2 năm nhưng phải có đơn đề nghị, được cán bộ hướng dẫn đồng ý, đơn vị đào tạo chấp thuận và phải đóng thêm học phí theo quy định của đơn vị đào tạo. Nếu sau thời hạn kéo dài tối đa, nghiên cứu sinh không hoàn thành chương trình đào tạo sẽ bị buộc thôi học.

Trong thời hạn 2 năm kể từ khi bị buộc thôi học, nghiên cứu sinh có thể trở lại đơn vị đào tạo để bảo vệ luận án nếu được cơ quan đề nghị, cán bộ hướng dẫn đồng ý và đơn vị đào tạo chấp thuận. Trong trường hợp này, nghiên cứu sinh phải đóng kinh phí đọc phản biện độc lập, kinh phí tổ chức các hội đồng đánh giá và chấm luận án;

15. Tên của chương V được sửa đổi thành: Luận văn, luận án.

16. Bỏ Điều 40 và Điều 41.

17. Khoản 1, Điều 42 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội

a) Đề tài luận văn trong chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu phải là một vấn đề về khoa học, công nghệ hoặc quản lý cụ thể. Nội dung luận văn trong chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, phương pháp giải quyết vấn đề đã đặt ra. Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập;

b) Đề tài luận văn trong chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng thực hành là một vấn đề, một nội dung cụ thể do yêu cầu của thực tiễn liên quan đến nội dung của chương trình đào tạo. Nội dung luận văn trong chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng thực hành phải thể hiện được một phần kiến thức về lý thuyết, đặc biệt là vận dụng lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và những kiến thức, kỹ năng được trang bị trong quá trình học tập để xử lý một vấn đề, một nội dung nghiên cứu cụ thể liên quan đến nội dung của chương trình đào tạo;

c) Đề tài luận văn phải do người hướng dẫn đề nghị và được bộ môn hoặc hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo (hoặc khoa chuyên môn của trường thành viên) thông qua, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Đề tài luận văn phải được giao cho học viên ít nhất là 6 tháng trước khi hết thời hạn đào tạo;

d) Học viên cao học phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu đề tài luận văn trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 2 tháng sau khi nhận đề tài luận văn và báo cáo kết quả nghiên cứu ít nhất 1 lần trong thời gian thực hiện luận văn. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận văn;

đ) Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác (bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) thì phải trích dẫn tường minh.

18. Khoản 2, Điều 46 được sửa đổi như sau:

- Điểm b và Điểm c được gộp lại thành Điểm b và sửa đổi như sau:

b) Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 7 thành viên, trong đó có ít nhất hai nhà khoa học ở ngoài đơn vị đào tạo. Thành viên hội đồng là những nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ,

am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư kí, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Thành viên hội đồng không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh; không là cán bộ cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng.

- Điểm d được sửa đổi thành Điểm c;

- Điểm e được sửa đổi thành Điểm d như sau:

d) Phản biện phải là người am hiểu đề tài luận án, không là đồng tác giả với người bảo vệ luận án trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng.

19. Khoản 5, Điều 47 được sửa đổi, bổ sung như sau:

5. Xử lý kết quả phản biện độc lập luận án

a) Nếu cả hai phản biện độc lập đều đồng ý cho luận án được đưa ra hội đồng chấm luận án, toàn văn bản nhận xét của phản biện độc lập (không có tên người phản biện) được gửi cho đơn vị thụ lý hồ sơ luận án để yêu cầu nghiên cứu sinh tiếp thu sửa chữa theo các ý kiến đóng góp của phản biện độc lập hoặc giải thích nhằm bảo lưu quan điểm của mình và tiến hành thủ tục chấm luận án.

b) Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Thủ trưởng đơn vị đào tạo gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Đại học Quốc gia.

c) Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp cơ sở nếu cả hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp cơ sở. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau sáu tháng và muộn nhất là hai năm kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

20. Khoản 1, Điều 48 được sửa đổi như sau:

1. Thành lập hội đồng chấm luận án

a) Hội đồng chấm luận án gồm 7 thành viên, trong đó số thành viên thuộc đơn vị đào tạo không quá 3 người. Thành viên Hội đồng là những nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín chuyên môn; am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án; có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh công bố trong vòng 3 năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng. Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 2 người; thành viên là tiến sĩ phải được công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ đủ 36 tháng tính đến ngày thành lập Hội đồng.

b) Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, ba phản biện và các uỷ viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng chuyên ngành với luận án. Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với nghiên cứu sinh.

c) Người hướng dẫn nghiên cứu sinh; người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng chấm luận án.

21. Điểm b, Khoản 2, Điều 48 được sửa đổi như sau:

b) Đã gửi tóm tắt luận án đến các nhà khoa học, các tổ chức khoa học thuộc ngành, lĩnh vực nghiên cứu và đã nhận được ít nhất 15 bản nhận xét tóm tắt luận án của các tổ chức khoa học và các nhà khoa học có trong danh sách gửi tóm tắt luận án có học vị tiến sĩ hoặc chức danh phó giáo sư trở lên;

22. Điểm e, Khoản 3, Điều 48 được sửa đổi như sau:

e) Hội đồng chấm luận án không họp nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Vắng mặt chủ tịch hội đồng hoặc thư ký hội đồng;
- Vắng mặt phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;
- Nghiên cứu sinh đang bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này;

- Có hai nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này luận án được xem là không đạt yêu cầu, không cần phải tổ chức bảo vệ luận án.

23. Điều 49 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 49. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo và chất lượng luận án

a) Vào tuần cuối của các tháng chẵn trong năm, các đơn vị đào tạo gửi Đại học Quốc gia Hà Nội danh sách nghiên cứu sinh bảo vệ luận án trong 2 tháng trước đó, kèm theo hồ sơ của những nghiên cứu sinh được đề nghị thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án.

b) Việc thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Thẩm định ngẫu nhiên: kiểm tra xác suất trong số hồ sơ luận án đã bảo vệ theo báo cáo của đơn vị đào tạo để thẩm định;

- Khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

c) Số lượng hồ sơ, luận án được thẩm định không ít hơn 30% số luận án bảo vệ trong năm của đơn vị đào tạo. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đơn vị đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội rà soát báo cáo và có văn bản thông báo cho đơn vị đào tạo các trường hợp cần thẩm định và nội dung cần thẩm định của mỗi trường hợp.

d) Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

- Hồ sơ dự tuyển của nghiên cứu sinh;

- Văn bản nhận xét đánh giá phân loại nghiên cứu sinh khi dự tuyển của Tiểu ban chuyên môn, bản tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Tiểu ban chuyên môn và kết quả xếp loại xét tuyển của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh;

- Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp Đại học Quốc gia của nghiên cứu sinh;

- Hồ sơ thực hiện quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập luận án của nghiên cứu sinh và các bản nhận xét của phản biện độc lập;

- Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

- Luận án đã được xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và cơ sở đào tạo;

- Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và cơ sở đào tạo;

- Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án trên các tạp chí khoa học chuyên ngành;

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

e) Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thẩm định, Đại học Quốc gia Hà Nội tiến hành thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

g) Hồ sơ quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp quy định tại Quy chế này.

h) Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến thẩm định độc lập của 3 nhà khoa học ở trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Chất lượng luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu có ít nhất 2 ý kiến tán thành.

k) Trường hợp có đơn, thư khiếu nại, tố cáo về nội dung, chất lượng luận án hoặc luận án có ít nhất 2 ý kiến thẩm định không tán thành, Đại học Quốc gia Hà Nội ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, uỷ nhiệm Thủ trưởng đơn vị đào tạo có nghiên cứu sinh tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Hội đồng thẩm định luận án

a) Hội đồng thẩm định luận án gồm 7 thành viên, trong đó có ít nhất 4 thành viên chưa tham gia hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở hay hội đồng chấm luận án cấp Đại học Quốc gia của luận án được thẩm định. Thành viên Hội đồng thẩm định là các nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư; có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; am hiểu về đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có công trình công bố về lĩnh vực của đề tài luận án trong 3 năm tính đến ngày thành lập hội đồng; có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan,

trung thực. Hội đồng có Chủ tịch Hội đồng, Thư kí và các ủy viên. Người hướng dẫn không được tham gia vào Hội đồng thẩm định luận án.

b) Trước khi họp Hội đồng thẩm định, các thành viên Hội đồng có bản nhận xét về tính cấp thiết của đề tài luận án, sự phù hợp với chuyên ngành; không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; những phát hiện, luận điểm mới của luận án; đánh giá thành công và hạn chế của luận án, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận án.

c) Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 6 thành viên Hội đồng bao gồm Chủ tịch Hội đồng, Thư kí Hội đồng và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có). Hội đồng thẩm định luận án có trách nhiệm xem xét, đánh giá nội dung và chất lượng luận án; làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo; nội dung nhận xét, kết luận của những người thẩm định độc lập luận án. Hội đồng phải có biên bản chi tiết các ý kiến thảo luận, trao đổi, kết luận và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án. Luận án đạt yêu cầu thẩm định khi có ít nhất 5 thành viên Hội đồng có mặt tán thành luận án.

d) Trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định, Thủ trưởng đơn vị đào tạo tổ chức cuộc họp đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng chấm luận án cấp Đại học Quốc gia với sự giám sát của đại diện Đại học Quốc gia Hà Nội. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp ít nhất là 12 người, trong đó Chủ tịch, phản biện, thư kí và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt.

đ) Thủ trưởng đơn vị đào tạo trực tiếp điều hành cuộc họp, bầu thư kí. Thành viên của hai Hội đồng tranh luận về nội dung và chất lượng luận án, bỏ phiếu đánh giá lại luận án. Luận án đạt yêu cầu nếu có ít nhất 3/4 thành viên có mặt tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

3. Xử lí kết quả thẩm định

a) Đối với luận án đạt yêu cầu khi thẩm định nhưng có ý kiến của người thẩm định độc lập hoặc của Hội đồng thẩm định yêu cầu phải sửa chữa, thì Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Quốc gia cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét và quyết định các điểm cần bổ sung chỉnh sửa. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Quốc gia kiểm tra và xác nhận chi tiết những nội dung đã bổ sung chỉnh sửa,

báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia (đối với các Viện nghiên cứu, Khoa và Trung tâm trực thuộc), Hiệu trưởng (đối với các trường đại học thành viên) để đủ hồ sơ cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

b) Đối với luận án không đạt yêu cầu thẩm định:

- Trường hợp chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được sửa chữa, bổ sung và bảo vệ lại luận án theo quy định tại Khoản 4, Điều 48 của Quy chế này.

- Trường hợp đã được cấp bằng tiến sĩ sẽ được xem xét xử lý theo pháp luật hiện hành đối với văn bằng đã được cấp.

c) Đối với hồ sơ quá trình đào tạo không đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Đại học Quốc gia Hà Nội, Thủ trưởng đơn vị đào tạo bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp phát hiện có vi phạm hành chính thì được chuyển xem xét xử lý theo quy định hiện hành về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

d) Trong thời gian không quá hai tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Đại học Quốc gia Hà Nội về kết quả thẩm định, Thủ trưởng đơn vị đào tạo có văn bản báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các Điểm a, b, c, Khoản 3 Điều này, cùng với báo cáo bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh của kỳ tiếp theo (nếu có) theo quy định tại Khoản 1 Điều 49 của Quy chế này.

đ) Đơn vị đào tạo có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong năm sẽ bị dừng tuyển sinh ít nhất trong một năm kế tiếp; có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong hai năm liên tiếp sẽ bị dừng việc thành lập hội đồng chấm luận án và cấp bằng tiến sĩ ít nhất trong một năm kế tiếp. Việc dừng các hoạt động này được thông báo công khai trên trang web của đơn vị đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong thời gian bị dừng các hoạt động tuyển sinh, thành lập Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, việc tổ chức chấm luận án cho nghiên cứu sinh của các trường đại học thành viên do Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện như đối với các viện, khoa và trung tâm. Đơn vị đào tạo phải có giải pháp khắc phục và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội kết quả thực hiện các giải pháp đó. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, quyết định cho phép đơn vị đào tạo tiếp tục tuyển sinh, tổ chức hội đồng chấm luận án và cấp bằng tiến sĩ.

24. Khoản 1, Điều 56 được sửa đổi như sau:

1. Đơn vị đào tạo hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh đã đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 55,

Quy chế này trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án.

25. Tên của chương VII được sửa đổi thành: Liên kết đào tạo quốc tế

26. Bỏ Điều 57.

27. Điểm a, Khoản 2, Điều 60 được sửa đổi như sau:

a) Mỗi người hướng dẫn khoa học không được nhận quá 2 nghiên cứu sinh được tuyển trong cùng một năm ở tất cả các cơ sở/đơn vị đào tạo. Giáo sư được hướng dẫn cùng lúc không quá 5 nghiên cứu sinh; phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn cùng lúc không quá 4 nghiên cứu sinh; tiến sĩ được hướng dẫn cùng lúc không quá 3 nghiên cứu sinh ở tất cả các cơ sở/đơn vị đào tạo, kể cả nghiên cứu sinh đồng hướng dẫn và nghiên cứu sinh đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép quay lại cơ sở/đơn vị đào tạo xin bảo vệ luận án.

Trong vòng 5 năm, tính đến ngày giao nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh, nếu người hướng dẫn khoa học có 2 nghiên cứu sinh không hoàn thành luận án vì lý do chuyên môn sẽ không được giao hướng dẫn nghiên cứu sinh mới.

28. Khoản 1 Điều 72 được chia thành 3 Khoản và sửa đổi như sau:

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày kí và áp dụng toàn diện cho các khóa tuyển sinh từ năm 2011 trở đi. Bãi bỏ những nội dung trái với Quy chế này trong các văn bản trước đây, gồm:

a) Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 3810/KHCN, ngày 10/10/2007 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội);

b) Quy định về văn bằng chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội (số 1011/ĐT, ngày 12/03/2008 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội);

c) Quy định tạm thời về mở chuyên ngành và sửa đổi chương trình đào tạo sau đại học (số 665/SĐH, ngày 04/02/2008 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội);

d) Hướng dẫn đánh giá hồ sơ chuyên môn cho thí sinh dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ ở Đại học Quốc gia Hà Nội (số 89/SĐH, ngày 09/01/2009 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội);

đ) Hướng dẫn tổ chức đánh giá chương trình đào tạo sau đại học các chuyên ngành đào tạo thí điểm (số 2036/SĐH, ngày 07/06/2007 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội);

e) Một số điều chỉnh, bổ sung về điều kiện xét chuyển tiếp sinh đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 237/KHCN, ngày 03/07/2006 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội);

g) Hướng dẫn về việc xét tuyển người nước ngoài vào học tại Đại học Quốc gia Hà Nội (số 278/ĐT, ngày 20/10/2003 của Đại học Quốc gia Hà Nội);

h) Hướng dẫn tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ ở Đại học Quốc gia Hà Nội, (số 45/ĐT, ngày 27/02/2003 của Đại học Quốc gia Hà Nội).

2. Các khóa đào tạo trình độ thạc sĩ tuyển sinh năm 2010 và các khóa đào tạo trình độ tiến sĩ tuyển sinh năm 2009 và năm 2010 phải thực hiện theo chương trình đào tạo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Quy chế này.

3. Các nội dung liên quan đến yêu cầu, quy trình tổ chức đánh giá luận văn, luận án quy định tại chương V (từ điều 42 đến điều 51); công nhận học vị và cấp bằng quy định tại chương VI (từ điều 52 đến điều 56) áp dụng đối với các học viên cao học bảo vệ luận văn và nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp cơ sở sau ngày 01//01/2013.

29. Các Khoản 2, 3, 4, Điều 72 được đổi thành các Khoản tương ứng 4, 5, 6.

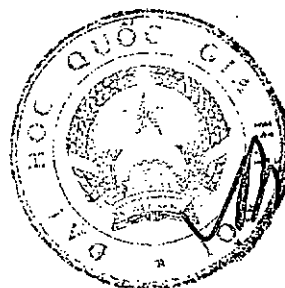
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban chức năng, Thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc của Đại học Quốc gia Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Website của ĐHQGHN;
- Lưu: VT, ĐT, T50.



GS.TS. Mai Trọng Nhuận